

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-12-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Lộc**
2. Ông **Nguyễn Minh Trọn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Vẹn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Văn V**, sinh năm: 1980 (Phan Văn D) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh C.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị C**, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn V trình bày:

Ông Phan Văn V và bà Võ Thị C thành hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh C. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân khoảng 08 tháng nay. Ông V xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị C. Ông V và bà C có 02 con chung là Phan Văn T, sinh ngày 12/9/2000, Phan Văn P, sinh ngày 05/12/2002 hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2020 bị đơn bà Võ Thị C trình bày:

Bà Võ Thị C và ông Phan Văn V thành hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh C. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, gần đây thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, bà Võ Thị C đồng ý ly hôn với ông Phan Văn V. Bà C và ông V có 02 con chung là Phan Văn T, sinh ngày 12/9/2000 (đã trưởng thành), Phan Văn P, sinh ngày 05/12/2002 đang sống chung với ông V, bà C đồng ý giao con cho ông V nuôi, bà C không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị C có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Phan Văn V khởi kiện xin ly hôn với bà Võ Thị C nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 29/10/2020 bà Võ Thị C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị C là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Ông Phan Văn V và bà Võ Thị C thành hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh C. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 225, ngày 02/8/2004 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Văn V và bà Võ Thị C được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn ông V trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tại phiên tòa ông V vẫn giữ y yêu cầu ly hôn với bà C. Đồng thời khẳng định cuộc sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc. Tại bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2020 bị đơn bà Võ Thị C cũng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên bà C đồng ý ly hôn với ông Phan Văn V. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của ông V là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Ông V và bà C có 02 con chung là Phan Văn T, sinh ngày 12/9/2000, Phan Văn P, sinh ngày 05/12/2002 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Phan Văn V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn V, (Phan Văn D, ông V được ly hôn với bà Võ Thị C.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình ông Phan Văn V phải chịu 300.000 đồng. Ông V có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012112 ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân

